

Bản án số: 03/2021/KDTM - ST
Ngày: 27/4/2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng
+Thế chấp tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Trương Phước Công**;

2. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh A G tham gia phiên tòa:
Bà **Đoàn Thùy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện C M, tỉnh A G mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 35/2020/TLKDTM - ST ngày 16 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2021/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2021/QĐST – KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người đại diện cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ông **Bùi Thành K** – Giám đốc Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh A G. Địa chỉ: Số 270 Lý Thái Tổ, phường M L, thành phố L X, tỉnh A G là người đại diện ủy quyền số 840/UQ – HĐQT – NHCT18 ngày 16/11/2018 của Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Ông K ủy quyền cho ông **Hồ Tuấn H** theo văn bản ủy quyền ngày 16.11.2018 (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Huỳnh Duy T, sinh năm 1981: địa chỉ: ấp N H, xã N M, huyện C M, tỉnh A G (vắng mặt).

Bà Trần Kim M, sinh năm 1981: địa chỉ: ấp N H, xã N M, huyện C M, tỉnh A G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản không hòa giải được, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam ông Hồ Tuấn H trình bày: Nguyên vào ngày 07/08/2018 bà Trần Kim M và ông Huỳnh Duy T có đến vay tiền tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh A G theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 323/2018-HĐCVHM/NHCT740 ngày 07/08/2018 với Hạn mức cho vay: 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng).

Thời gian duy trì hạn mức: Đến hết ngày 07/08/2019.

Mục đích vay: Bổ sung vốn mua bán thức ăn thủy sản, gia súc, gia cầm các loại.

Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 6.5%/năm. Thanh toán gốc vào ngày trả nợ theo giấy nhận nợ, tối đa là 06 tháng/giấy nhận nợ. Lãi trả hàng tháng vào ngày 05.

Ngày 15/11/2018 hợp đồng cho vay trên được sửa đổi, bổ sung theo Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay số 323/2018-HĐCV-SĐBS01/NHCT740- Trần Kim M với Hạn mức cho vay: 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng).

Ngày 27/05/2020 Hợp đồng cho vay trên tiếp tục được sửa đổi, bổ sung theo Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 323/2020-HĐCV-SĐBS02/NHCT740- của bà Trần Kim M với hạn mức cho vay còn lại là: 385.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng), cụ thể như sau:

Theo giấy nhận nợ số 06, ngày 22/03/2019 số tiền giải ngân là 670.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu đồng, đến ngày 20/09/2019 thu giảm nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), đến ngày 23/09/2019 thu giảm nợ gốc 620.000.000 (Sáu trăm hai mươi triệu đồng) và lãi tất toán tài khoản vay theo giấy nhận nợ số 06.

Theo giấy nhận nợ số 07, ngày 24/05/2019 số tiền giải ngân là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), đến ngày 27/05/2020 thu giảm nợ gốc 615.000.000 (Sáu trăm mười lăm triệu đồng). Từ đó phát sinh văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 323/2020-HĐCV-SĐBS02/NHCT740- của bà Trần Kim M với Hạn mức cho vay còn lại là: 385.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng). Chi tiết được thể hiện theo giấy nhận nợ số 07 như sau:

Tài sản còn lại hiện đang thế chấp để đảm bảo cho số tiền 385.000.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu đồng) bao gồm:

- Tài sản thế chấp thứ nhất: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BY047684, số vào sổ

CH05772, diện tích 3.340 m², tọa lạc xã L G, huyện C M do UBND huyện C M cấp ngày 03/6/2015.

- Tài sản thế chấp thứ hai: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CC200395, số vào sổ CH02999, diện tích 3.478 m², tọa lạc xã N M, huyện C M do UBND huyện C M cấp ngày 23/11/2015;

- Tài sản thế chấp thứ ba: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BY04742, số vào sổ CH01351, diện tích 1350 m², tọa lạc xã N M, huyện C M do UBND huyện C M cấp ngày 11/6/2015

Cả ba tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M đứng tên Thông qua hợp đồng thế chấp số 797A/HĐTC ngày 07/12/2015 đã ký giữa ông T, bà M với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh A G, được Văn phòng công chứng A G, huyện C M công chứng ngày 07/12/2015 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/12/2015 tại Văn Phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất Hện C M.

Đến nay ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và có gọi thông báo, làm việc nhiều lần nhưng đến nay bà Trần Kim M, ông Huỳnh Duy T vẫn chưa thanh toán nợ.

Tính đến hết ngày 27/04/2021 bà Trần Kim M, ông Huỳnh Duy T còn nợ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh A G số tiền 504.494.890 đồng. Số tiền cụ thể như sau:

- Vốn gốc : 385.000.000 đồng
- Lãi trong hạn: 80.956.299 đồng
- Lãi quá hạn: 38.538.591 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh A G khởi kiện ông T, bà M tại Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A G và đề nghị Tòa án nhân dân Hện C M xét xử buộc ông T, bà M trả hết cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh A G – Phòng giao dịch C M số tiền 504.494.890 đồng (trong đó nợ gốc là: 385.000.000 đồng và lãi tính đến hết ngày 27.4.2021 bao gồm lãi trong hạn 80.956.299 đồng, lãi quá hạn 38.538.591 đồng và tiền lãi còn phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt nợ. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 797A/HĐTC ngày 07/12/2015 đã ký giữa ông T, bà M với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh A G để đảm bảo nghĩa vụ đến khi thanh toán dứt nợ.

Ngoài ra ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 28/4/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông T, bà M đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng các ông bà không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 07/8/2018, giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và bà Trần Kim M, ông Huỳnh Duy T đã ký kết hợp đồng tín dụng với hạn mức cho vay 4.500.000.000 đồng, lãi suất 6,5%/năm, mục đích vay bổ sung vốn mua thức ăn thủy sản, gia súc gia cầm, thời hạn 12 tháng. Đến ngày 27/5/2020, hai bên thống nhất ký kết văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức với số tiền vốn vay còn lại 385.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CH05772 ngày 03/6/2015, số CH02999 ngày 23/11/2015 và số CH01351 ngày 11/6/2015 do UBND huyện C M cấp cho ông T, bà M.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông T, bà M trả nợ vốn 385.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 27/4/2021 là 119.494.890 đồng và trả lãi tiếp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng 07/8/2018 giữa Ngân hàng với ông T, bà M được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà M đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và vốn còn lại 385.000.000 đồng nhưng từ ngày 27/5/2020, ông T, bà M vi phạm nghĩa vụ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ vốn 385.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 27/4/2021 là 119.494.890 đồng và trả lãi tiếp theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 07/12/2015, có công chứng tại Văn phòng Công chứng A G ngày 07/12/2015 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/12/2015 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C M) nên tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp và Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Điều 323 Bộ luật dân sự và Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 468, 323 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Buộc ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gồm vốn 385.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 27/4/2021 là 119.494.890 đồng và trả lãi tiếp theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M yêu cầu trả số tiền 504.494.890 đồng (trong đó nợ gốc là: 385.000.000 đồng và lãi tính đến hết ngày 27.4.2021 bao gồm lãi trong hạn 80.956.299 đồng, lãi quá hạn 38.538.591 đồng. Đây là tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp N H, xã N M, Hện C M, tỉnh A G. Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng theo quy định Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện C M đã thực hiện các thủ tục tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M số tiền theo hợp đồng tín dụng nợ số tiền 504.494.890 đồng (trong đó nợ gốc là: 385.000.000 đồng và lãi tính đến hết ngày 27.4.2021 bao gồm lãi trong hạn 80.956.299 đồng, lãi quá hạn 38.538.591 đồng. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên cho đến ngày 27/4/2021 ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M không có ý kiến gì, nhưng vẫn chưa trả số nợ cho Ngân hàng. Do ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 27/4/2021 là 504.494.890 đồng là phù hợp Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh A G, phòng giao dịch C M. Buộc ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh A G, phòng giao dịch C M số tiền 504.494.890 đồng tạm tính đến ngày 27/4/2021. Trong đó nợ gốc còn lại là 385.000.000 đồng và lãi tính đến hết ngày 27.4.2021 bao gồm lãi trong hạn 80.956.299 đồng, lãi quá hạn 38.538.591 đồng. Trường hợp ông T, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 7 Điều 351 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang số tiền xem xét thẩm định tại chỗ 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

Các Điều 463, 466, 468 - Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh A G.

Buộc ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh A G số tiền 504.494.890 đồng, trong đó vốn gốc 385.000.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu đồng) và lãi tính đến hết ngày 27.4.2021 bao gồm lãi trong hạn 80.956.299 đồng (tám chục triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm chín mươi chín đồng) lãi quá hạn 38.538.591 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm ba mươi tám nghìn năm trăm chín mươi một đồng).

Kể từ ngày 28/4/2021 ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 323/2018- HĐCVHM/NHCT 740 ngày 07/8/2018 cho đến khi ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh A G phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh A G theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 797A/2018/HĐTC ngày 07/12/2015 bằng bất động sản của bên thứ ba tài sản thế chấp là Quyền sử dụng

đất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BY047684, sổ vào sổ CH05772, diện tích 3.340 m², tọa lạc xã L G, huyện C M do UBND huyện C M cấp ngày 03/6/20145; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CC200395, sổ vào sổ CH02999, diện tích 3.478 m², tọa lạc xã N M, huyện C M do UBND huyện C M cấp ngày 23/11/2015; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BY04742, sổ vào sổ CH01351, diện tích 1350 m², tọa lạc xã N M, huyện C M do UBND huyện C M cấp ngày 11/6/2015 do ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M đứng tên để đảm bảo thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh A G số tiền xem xét thẩm định tại chỗ 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự thẩm: Ông Huỳnh Duy T, bà Trần Kim M phải chịu án phí là 24.179.796 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm bảy mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi sáu đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh A G số tiền 11.634.000 đồng (mười một triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai số 0009099 ngày 16.12.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện C M.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A G;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn